

Tp.HCM, ngày 23 tháng 3 năm 2011

Số 0579/BCTN-CNTĐ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 9152
	Giờ: Ngày 24/03/11

Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

▪ Việc thành lập:

Công ty cổ phần cấp nước có lịch sử hình thành như sau:

- Ngày 31/07/1991 Sở Giao thông công chánh thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định 202/QĐ-TCNTL về việc thành lập Chi nhánh cấp nước Thủ Đức Biên Hòa;

- Ngày 12/01/2005, Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn ký Quyết định số 012/QĐ-CN-TCLĐTL về việc đổi tên Chi nhánh cấp nước Thủ Đức Biên Hòa thành Chi nhánh cấp nước Thủ Đức;

- Ngày 31/8/2005 Tổng công ty cấp nước Sài Gòn ký quyết định 65/QĐ-TCT-TC về việc thành lập Chi nhánh cấp nước Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty cấp nước Sài Gòn;

▪ Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

- Ngày 30/12/2005 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định 6662/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty cấp nước Sài Gòn thành Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức.

Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 18/01/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/01/2007.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).

- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần.

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

▪ Niêm yết:

Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức đã tiến hành niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM theo Quyết định 206/QĐ-SGDHCM ngày 17/09/2010, cụ thể như sau:

- Tên công ty niêm yết: Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức.

- Tên viết tắt: Thu Duc Wasuco.J.S.C

- Trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM

- GCNĐKKD: 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).



- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TDW
- Mã ISIN: VN000000TDW2
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 8.500.000 cổ phiếu (tám triệu năm trăm nghìn).
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Ngày giao dịch đầu tiên: 11/11/2010.

2. Quá trình phát triển:

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn).
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng).
- Xây dựng công trình cấp nước.
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

2.2 Tình hình hoạt động:

Kể từ ngày chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, công ty đã có bước tăng trưởng khá cao và ổn định, có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ lợi nhuận vượt kế hoạch đặt ra, đời sống cán bộ công nhân viên được đảm bảo.

Sản phẩm chủ yếu của Công ty đang tập trung là dịch vụ cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn quận 2, quận 9, quận Thủ Đức. Công ty đang tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức để phù hợp với mô hình mới nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Định hướng phát triển:

3.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Xây dựng và giữ vững thương hiệu;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp;
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng trưởng lợi nhuận;
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành cấp nước, để đạt được mục tiêu đã đề ra, Công ty phải đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Không chỉ giữ vững khách hàng truyền thống, mà còn chú trọng đến khách hàng tiềm năng tương ứng với mục tiêu dài hạn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có của công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục duy trì, ổn định và phát triển sản xuất. Trong đó, tập trung vào các nội dung sau:

- Nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực hiện chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố;
- Tăng cường thu thập thông tin, tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ;
- Tăng sản lượng nước cung cấp cho khách hàng;
- Nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch;
- Phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát nước.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

a. Doanh thu và lợi nhuận

Trong tình hình có nhiều khó khăn chung trong hoạt động năm 2010, nhưng với sự nỗ lực của lãnh đạo và CBNV, công ty đã đạt mức doanh thu 278 tỷ VNĐ, hoàn thành 105,31% kế hoạch năm 2010. Điểm nổi bật nhất trong kết quả kinh doanh 2010 là lợi nhuận sau thuế đạt 179,47% so với kế hoạch.

b. Kết quả tài chính chủ yếu

Khoản mục	Đvt	2008	2009	2010
Tổng doanh thu	Triệu đồng	157.164	182.406	278.431
Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.277	12.690	23.618
Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.653	9.976	18.728

c. Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước

Trong năm 2010, Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức đã nộp ngân sách Nhà nước 4,890 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 đảm bảo chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo quy định.

d. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2010

Hội Đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 được tổ chức ngày 22/04/2011 phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Lợi nhuận phân phối năm 2010: 18.831.092.313 đồng, gồm:
- + Lợi nhuận sau thuế năm 2010: 18.727.775.900 đồng
- + Điều chỉnh lợi nhuận phân phối do quyết toán lại thuế TNDN năm 2009 theo công văn 7250/BTC-TCT ngày 07/6/2010 của Bộ Tài chính: 103.316.413 đồng

Phân phối như sau:

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Trích các quỹ		
	- Quỹ Dự phòng tài chính (10%)	1.883.109.231	
	- Quỹ khen thưởng (10%)	1.883.109.231	
	- Quỹ phúc lợi – xã hội (10%)	1.883.109.231	

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,43%)	458.398.249	
	- Quỹ đầu tư phát triển, trong đó: + Phần được miễn giảm thuế + Trích từ LNSTPP (13,4%)	4.689.955.932 2.166.589.562 2.523.366.370	
2	Lợi nhuận còn lại và chi trả cổ tức	10.200.000.000	
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức /vốn điều lệ	12%	

d. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2010 của HĐQT

Trong năm 2010, HĐQT và Ban kiểm soát công ty đã tiến hành tổ chức các cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình và đưa ra những quyết định kịp thời phù hợp với từng thời điểm. HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, những công việc chủ yếu thực hiện:

- Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên đến ban Điều hành và các bộ phận trong Công ty.

- Chỉ đạo giám sát Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ. Nhìn chung năm 2010 các cán bộ quản lý điều hành công ty đã thực hiện nhiệm vụ một cách năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm. Công tác quản lý điều hành cơ bản thực hiện được mục tiêu đề ra của kế hoạch kinh doanh năm 2010.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chi tiêu	K/hoạch 2010	Thực hiện 2010	Dvt: triệu đồng
			Tỷ lệ hoàn thành (%)
1. Tổng doanh thu	264.398	278.431	105,31
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	14.231	23.618	165,95
3. Tổng lợi nhuận sau thuế	11.263	18.728	179,47

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: không có

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Công ty có nhiều lợi thế trong việc phục vụ cấp nước khách hàng, địa bàn phục vụ của công ty có vị trí gần Nhà máy nước Thủ Đức, do là khu vực đầu nguồn nên nguồn cung cấp ổn định, chất lượng nước luôn đạt các tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, hiện nay địa bàn quận 2, quận 9, quận Thủ Đức có tốc độ đô thị hóa rất cao, nhiều nhà máy, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư... được xây dựng, nhiều khu vực chưa có hệ thống cấp nước của thành phố Hồ Chí Minh, do đó nhu cầu sử dụng nước trong tương lai là rất lớn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có, Công ty sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

- Phát triển mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước.
- Nâng cao các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu.
- Tăng cường công tác chống thất thoát nước.
- Cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính.

▪ Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo (31/12/2010)
1	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,42
2	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Vốn điều lệ	%	27,79
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu	%	25,75

▪ Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

Qua các chỉ số thanh toán, cơ cấu tài sản và nguồn vốn cho thấy tình hình tài chính tại Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức là tốt, luôn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn cao, đảm bảo được khả năng thanh toán nợ phải trả cũng như nợ đến hạn. Điều này chứng minh rằng Công ty không những quan tâm đến hiệu quả kinh doanh mà còn luôn thận trọng trong việc sử dụng nguồn vốn của cổ đông.

- Phân tích những biến động- những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động: Không có.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:

Dvt: đồng

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
	TÀI SẢN		
A	Tài sản ngắn hạn	48.992.257.664	110.983.080.805
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.292.294.085	1.232.907.054
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	26.070.000.000	59.924.666.667
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	10.979.431.368	38.364.266.811
4	Hàng tồn kho	6.761.599.017	10.158.839.163
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.888.933.194	1.302.401.110
B	Tài sản dài hạn	214.218.297.601	187.846.068.818
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	190.558.114.697	187.807.068.818
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	23.660.182.904	39.000.000
	Tổng cộng tài sản	263.210.555.265	298.829.149.623
	NGUỒN VỐN		
A	Nợ phải trả	161.917.990.761	185.635.815.223
1	Nợ ngắn hạn	26.795.273.992	45.794.097.389
2	Nợ dài hạn	135.122.716.769	139.841.717.834

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
B	Vốn chủ sở hữu	101.292.564.504	113.193.334.400
1	Vốn chủ sở hữu	101.292.564.504	113.193.334.400
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	-
	Tổng cộng nguồn vốn	263.210.555.265	298.829.149.623

- **Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:** Không có
- **Tổng số cổ phiếu theo từng loại:**
 - Cổ phiếu phổ thông: 8.500.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phần)
- **Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại:** Không có
- **Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:**
 - Cổ phiếu phổ thông: 8.500.000 cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại:** Không có
- **Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:** 12% vốn điều lệ.

2. Báo cáo cáo kết quả hoạt động SXKD

Trong năm 2010 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra trên tất cả các chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức, doanh thu. Điều này cho thấy đã phát huy được các ưu điểm của mô hình công ty cổ phần như: Công ty được chủ động trong quyết định đầu tư, tổ chức sản xuất, sự gắn bó của CBCNV đồng thời là cổ đông đối với các hoạt động của Công ty mật thiết hơn, tinh thần trách nhiệm cao hơn.

Kết quả thực hiện năm 2010 :

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ hoàn thành (%)
A. Sản xuất kinh doanh				
1. Sản lượng nước cung cấp	1.000 m ³	39.160	39.980	102,09
2. Doanh thu tiền nước	triệu đồng	257.198	263.999	102,64
3. Thay ĐHN các cỡ	cái	10.040	11.303	112,63
4. Thi công gắn ĐHN	cái	10.000	10.020	100,19
5. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	78,52	78,67	100,19
B. Phát triển mạng lưới				
	mét	79.129	33.205	41,96
C. Sửa chữa mạng lưới				
	mét	7.795	2.371	30,42
D. Kế hoạch tài chính				
1. Tổng doanh thu	triệu đồng	264.398	278.431	105,31
2. Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	14.231	23.618	165,95
3. Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	11.263	18.728	179,47
4. Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	9,01	11,78	141,11
5. Thu nhập bình quân/người/tháng	triệu đồng	6,7	8,3	123,77

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Bước đầu hoạt động theo mô hình cổ phần, Công ty gặp nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Ban giám đốc cùng tập thể cán bộ công nhân viên chức đã nỗ lực phấn đấu và đạt được những kết quả tích cực, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

- Công ty đã tổ chức lại bộ máy, xây dựng và hoàn thiện các quy chế.
- Nâng cao nghiệp vụ, tác phong và ý thức phục vụ khách hàng.
- Xây dựng nguồn nhân lực theo định hướng đảm bảo cho sự phát triển lâu dài và bền vững của công ty.
- Xây dựng bộ phận chuyên trách thực hiện công tác giảm thất thoát nước.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Căn cứ vào kết quả thực hiện SXKD năm 2010, cùng với lợi thế của công ty. Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch thực hiện cho năm 2011 như sau:

Chi tiêu	ĐVT	K/hoạch 2011	Ghi chú
A. KINH DOANH			
1. Nước cung cấp	1.000 m ³	43.660	
2. Doanh thu tiền nước	triệu đồng	329.718	
3. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	10.000	
4. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	30	
5. Thi công gắn mới đồng hồ nước	cái	10.000	
6. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	81,5	
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG			
1. Phát triển mạng lưới cấp nước			
- Kinh phí	triệu đồng	59.069	
- Năng lực thiết kế	mét	56.377	
2. Sửa chữa mạng lưới cấp nước			
- Kinh phí	triệu đồng	19.134	
- Năng lực thiết kế	mét	12.925	
C. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH :			
1. Tổng doanh thu	triệu đồng	340.918	
2. Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	24.445	
3. Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	12,39	
4. Thu nhập bình quân/người/tháng	triệu đồng	9,2	

IV. Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (đính kèm).

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập:

a. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

b. Ý kiến của Kiểm toán độc lập:

Trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm)

“Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức tại ngày

31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam”.

2. Kiểm toán nội bộ: Không có.

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức: Tổng công ty cấp nước Sài Gòn là đơn vị nắm giữ 51% vốn cổ phần.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không có
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: không có

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban điều hành (01 Giám đốc, 02 Phó giám đốc).
- 11 phòng, ban, đội.

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch tóm tắt
1. Ông Bùi Sĩ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 06/01/1951 - Giới tính: Nam - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 44 Tổng Lung, P. 13, quận 11, Tp.HCM - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân tín dụng ngân hàng, Cử nhân Kế toán ngân hàng. - Cổ phần đại diện: 1.083.750 CP (12,75%)
2. Ông Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên HĐQT - Giám đốc công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 13/10/1954 - Giới tính: Nam - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: Lầu 1, số 8 Bà Huyện Thanh Quan, P6, Q3, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân Luật. - Cổ phần sở hữu của bản thân: 3.400. - Cổ phần đại diện: 1.083.750 (12,75%)
3. Ông Nguyễn Đức Tiến	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 20/9/1953 - Giới tính: Nam

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch tóm tắt
		<ul style="list-style-type: none"> - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: B2 Cư xá Nhà máy nước Thủ Đức, P. Linh Trung, Q. TB - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước. - Cổ phần sở hữu của bản thân: 3.200 - Cổ phần đại diện: 1.083.750 CP (12,75%)
4. Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 26/01/1970 - Giới tính: Nam - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 18/24 Bis Trần Quang Diệu, P 14, quận 3, Tp.HCM - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cao học Quản trị kinh doanh - Cổ phần đại diện: 1.083.750 CP (12,75%)
8. Nguyễn Hoài Nam	Phó giám đốc Kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 11/11/1973 - Giới tính: Nam - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 18/9 đường 8, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường, Kỹ sư Cấp thoát nước.
9. Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 02/6/1970 - Giới tính: Nữ - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 31 Lê Văn Chí phường Linh Trung, quận Thủ Đức - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

3. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm: không có

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng lao động tại 31/12/2010: 291 lao động.

Chính sách đối với người lao động:

+ **Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, công nhân sẽ làm thêm giờ và công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học; đối với lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

+ **Chính sách đào tạo:** Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

+ **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:**

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước. Đối với lao động trong công ty được xếp theo thang bảng lương của Nhà nước tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài chế độ lương cơ bản, người lao động còn được hưởng lương năng suất theo đơn giá tiền lương đã được Ban giám đốc phê duyệt.

- **Chính sách thưởng:**

- Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, vào các dịp phát động phong trào thi đua, lễ, tết, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng.

- **Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:**

Công ty luôn quan tâm đến phúc lợi của người lao động, như đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, Lãnh đạo công ty cùng Ban chấp hành công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

- Các ngày Trung thu, ngày Một tháng Sáu, công ty cũng tặng quà cho con em CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng Quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh để hỗ trợ cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc và có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV.

- Định kỳ tổ chức khám sức khoẻ cho CBCNV theo đúng quy định.

5. Thay đổi thành viên HĐQT, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng:

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch: Không có

- Thay đổi thành viên Ban kiểm soát: Không có

- Thay đổi Ban Giám đốc, kế toán trưởng trong năm: Không có.

VIII. Thông tin cổ đông góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1.1 Hội đồng quản trị: Gồm 04 người (không chuyên trách), trong đó có 02 thành viên HĐQT kiêm điều hành công ty

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Nhiệm vụ
1. Bùi Sĩ Hoàng	Chủ tịch	20/11/2006	Điều hành chung
2. Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên	20/11/2006	Giám đốc
3. Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	20/11/2006	Phó Giám đốc
4. Nguyễn Đức Tiến	Thành viên	20/11/2006	Tham gia điều hành

1.2 Ban kiểm soát: Gồm 03 người (không chuyên trách).

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Quách Trọng Lượng	Trưởng ban	20/11/2006	
2. Hoàng Ngọc Lâm	Ủy viên	20/11/2006	
3. Trần Thị Nhị Hà	Ủy viên	20/11/2006	

▪ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị hoạt động theo cơ chế tập trung dân chủ, tuân thủ pháp luật, và điều lệ của công ty. Trong năm 2010, đã tổ chức 07 phiên họp để thảo luận, triển khai nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

Từng thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT phân công, bám sát tình hình của công ty để thực hiện đúng chủ trương và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đăng ký.

▪ **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thành viên HĐQT không điều hành thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng HĐQT ban hành những chủ trương, chính sách phù hợp, giúp hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty đạt hiệu quả cao.

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành hiện nay gồm:

1. Ông Bùi Sĩ Hoàng – Chủ tịch HĐQT: chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu những vấn đề liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính, chính sách đầu tư, sử dụng nguồn vốn đầu tư ...

2. Ông Nguyễn Đức Tiến: chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban điều hành những vấn đề liên quan đến các lĩnh vực sau:

- Nhân sự;
- Lương, thưởng;
- Đời sống cho người lao động;
- Tuyển dụng, đào tạo nhân sự.

▪ **Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:**

Năm 2010, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ, luôn tập trung kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành về việc chấp hành luật pháp, điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về chế độ thu chi tài chính, chính sách đối với người lao động... tham dự các cuộc họp HĐQT, và đóng góp ý kiến liên quan đến công tác điều hành, quản lý.

▪ **Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:**

Theo kế hoạch, năm 2011 Hội đồng quản trị đã thống nhất những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011 như sau:

- Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến công ty, nhằm tạo niềm tin với nhà đầu tư. Nâng cao chất lượng phục vụ.

- Cải tiến phương thức quản lý.

- Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ và Quy chế hoạt động của công ty cho phù hợp với thực tế.

▪ **Thù lao của HĐQT, BKS:**

Tổng thù lao của thành viên HĐQT, BKS và Thư ký năm 2010 là 234.000.000 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu đồng). Cụ thể như sau:

Stt	Diễn giải	Chức danh	Mức thù lao đồng/tháng	Tổng thù lao năm 2010
1	Bùi Sĩ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	3.500.000	42.000.000
2	Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
3	Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
4	Nguyễn Đức Tiến	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
5	Quách Trọng Lượng	Trưởng BKS	2.500.000	30.000.000
6	Hoàng Ngọc Lâm	TV.BKS	1.500.000	18.000.000
7	Trần Thị Nhị Hà	TV.BKS	1.500.000	18.000.000
8	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thư ký HĐQT	1.500.000	18.000.000
Tổng cộng:				234.000.000

▪ **Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Không có

▪ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ của thành viên HĐQT (tính đến ngày 31/12/2010):**

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Thay đổi
1. Ông Bùi Sĩ Hoàng	Chủ tịch	1.083.750	12,75	không
2. Ông Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên	1.083.750	12,75	không
3. Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	1.083.750	12,75	không
4. Ông Nguyễn Đức Tiến	Thành viên	1.083.750	12,75	không

▪ **Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên:** Không có

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn tại ngày 14/02/2011.

2.1 Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	5.938.100	69,86
1	Tổ chức trong nước	5.292.728	62,27
2	Cá nhân trong và ngoài công ty	645.372	7,59
II.	Nước ngoài :	2.561.900	30,14
1	Tổ chức	2.561.500	30,135

2 Cá nhân 400 0,00005

2.1 Thông tin chi tiết về cổ sáng lập:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
- Tổng công ty cấp nước Sài Gòn	Số 01 Công trường Quốc Tế, Q3, Tp.HCM	4.335.000	51
- Cty cổ phần sữa Việt Nam	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Q3, Tp.HCM	850.000	10
- VOF INVESMENT LIMITED (nhận chuyển nhượng từ Cty cổ phần sữa Việt Nam năm 2008)	Phòng 1703, Lầu 17, cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Q1, Tp.HCM	2.550.000	30

2.3. Thông tin chi tiết về cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài.

Tên cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
- VOF INVESMENT LIMITED	Phòng 1703, Lầu 17, cao ốc SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Q1, Tp.HCM	2.550.000	30
- NEW-S SECURITIES CO.LTD.	EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	10.000	0,12
- OKASAN INTERNATIONAL ASIA LTD	UNIT NOS 4601.3 THE CENTRER 99 QUEEN'S ROAD CENTRAL HONGKONG	1.500	0,02

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- VP.TCTy;
- BKS.TCty;
- HDQT Cty;
- BKS Cty;
- BGD Cty;
- P.TCHC;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Cầu

